TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HNGĐ -ST
Ngày: 12 -02 -2018

"V/v yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN .

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Nguyễn Ngọc Thăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Long.

2. Bà Vũ Thị Liên.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trần Ngọc Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Kim Động xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2017/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc "*yêu cầu ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1986. (Có mặt)

HKTT: thôn Đ, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn*: Anh Đào Đức Q, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Sinh, trú quán: thôn Đ, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.*Người làm chứng*:

- Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1959;(vắng mặt)
- Anh Lê Văn V, sinh năm 1986.(vắng mặt)

HKTT: thôn Đ, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2017 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Q trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh Đào Đức Q, sinh năm 1984, là hai người khác địa phương, có thời gian tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự

nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 18/4/2013. Sau khi cưới, chị Q về ngay gia đình anh Q chung sống. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ bình thường được đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong làm ăn cũng như trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Mặc dù vậy, vợ chồng vẫn cố gắng chung sống. Nhưng càng ngày mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng hơn. Bên cạnh đó vợ chồng không có con chung. Đến đầu năm 2016 vợ chồng sống ly thân. Chị Q đã về quê sinh sống, hai bên chấm dứt mọi liên hệ. Nay chị Q xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q, hạnh phúc gia đình không đạt được. Chị Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để chị có điều kiện ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không có gì liên quan phải yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Chị Q tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2017, bà Phạm Thị N là mẹ đẻ anh Đào Đức Q trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị Q kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, điều kiện, cơ sở kết hôn như chị Q trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ bình thường được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, luôn xảy ra cãi nhau, bên cạnh đó chung sống mấy năm không có con chung nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Đến đầu năm 2016 vợ chồng anh Q, chị Q ly thân, chị Q đã bỏ đi khỏi nhà bà. Đến nay chị Q xin ly hôn với anh Q, quan điểm của bà N không muốn con cái bỏ nhau, bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng nếu chị Q cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa giải quyết theo yêu cầu của chị Q.

Về con chung: Vợ chồng anh Q, chị Q không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Bà N xác định vợ chồng anh Q, chị Q không có liên quan gì với bà, nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N xác định, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Động đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa; cho bị đơn là anh Đào Đức Q - con trai bà, do anh Q thường xuyên đi làm ăn xa nên bà người trực tiếp nhận những văn bản trên. Sau khi nhận được văn bản của Tòa án, bà N đều thông báo cho anh Q nội dung những văn bản đó, anh Q tiếp nhận những thông tin đó còn việc anh Q có đến Tòa án giải quyết hay không bà không rõ.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2017, ông Lê Văn V là trưởng thôn Đ, thị trấn L trình bày:***

Anh Q và chị Q kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký theo quy định như chị Q, bà N trình bày là đúng. Quá trình chung sống có mâu thuẫn, cãi nhau, bên cạnh đó chung sống mấy năm không có con chung. Đến đầu năm 2016 vợ chồng anh Q, chị Q ly thân, chị Q đã bỏ đi khỏi nhà bà N. Đến nay chị Q xin ly hôn với anh Q, quan điểm của ông V là trưởng thôn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị Q cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh Q, chị Q không có con chung.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn là chị Bùi Thị Q vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đào Đức Q. Về con chung, tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: chị Q tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đào Đức Q vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn đã cố tình vắng mặt gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Căn cứ các Điều 51, 56; 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Q.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Q được ly hôn anh Đào Đức Q.

+ Về con chung, về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức : không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: chị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Q hợp lệ. Tại phiên tòa, anh Q vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần liên tiếp. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh Q là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh Q kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 18/4/2013. Như vậy, hôn nhân là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ có thời gian ngắn chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Q trình bày là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong làm ăn cũng như trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Bên cạnh đó vợ chồng không có con chung nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Đến đầu năm 2016 thì vợ chồng ly thân. Qua lời trình bày của bà N là mẹ đẻ anh Q, cũng như ông V là trưởng thôn Đ, việc vợ chồng anh Q, chị Q mâu thuẫn căng thẳng là đúng, vợ chồng đã ly thân từ lâu. Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập anh Q đến để hòa giải về đoàn tụ nhưng anh Q không có mặt chứng tỏ anh Q không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho chị Q được ly hôn anh Q là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung: Vợ chồng chị Q, anh Q không có con chung nên không phải giải quyết.

4. Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: Chị Q tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Nguyên đơn là chị Bùi Thị Q phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Q được ly hôn anh Đào Đức Q.

2. Về con chung: Không phải giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 007253 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, người có mặt được tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại UBND thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L;
- VKSND huyện Kim Động;
- THA huyện Kim Động;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Thăng